b) Xác định tổng mức vốn đầu tư và phân khai các nguồn vốn, trong đó: cân đối các nguồn vốn do địa phương huy động; số vốn thiếu đề nghị cho ngân sách địa phương vay; lập kế hoạch vay, trả nợ gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Quỹ Hỗ trợ phát triển.

c) Chỉ đạo thực hiện việc cho vay vốn đối với kênh loại II và kênh loại III.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch kiên cố hóa kênh mương (kênh loại I) gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để cân đối vốn đầu tư; kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương các loại trong cả nước, định kỳ báo cáo kết quả lên Thủ tướng Chính phủ.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính cân đối nguồn vốn đầu tư từ ngân sách và vốn tín dụng cho vay trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Bộ Tài chính căn cứ vào tổng mức vốn đầu tư cho kiên cố hóa kênh mương (các loại) hàng năm được duyệt, khả năng cân đối vốn đầu tư từ ngân sách, khả năng trả nợ của ngân sách địa phương, quyết định mức vốn tín dụng cho vay cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

5. Quỹ Hỗ trợ phát triển thực hiện cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vay vốn theo quyết định của Bộ Tài chính (không trực tiếp cho vay đối với từng huyện, từng dự án cụ thể) và có trách nhiệm thu hồi vốn vay khi đến hạn; tính toán nhu cầu cần cấp bù lãi suất và phí trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho các Bộ, ngành có liên quan và Thủ tướng Chính phủ.

Bộ Tài chính bố trí nguồn vốn để bù khoản chênh lệch lãi suất và phí cho vay trên.

6. Trong năm 2000, Nhà nước dành 500 tỷ đồng từ nguồn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước đã giao để cho các địa phương vay theo nội dung Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN CÔNG TẠN

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 67/2000/QĐ-TTg ngày 15/6/2000 thành lập Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ Nghị định số 179/1999/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ quy định việc thi hành Luật Tài nguyên nước;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước để tư vấn cho Chính phủ trong những quyết định quan trọng về tài nguyên nước thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ.

Điều 2. Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước có nhiệm vụ tư vấn giúp Chính phủ trong các lĩnh vực sau:

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

1. Chiến lược, chính sách tài nguyên nước quốc gia;

2. Xét duyệt quy hoạch các lưu vực sông lớn;

3. Chuyển nước giữa các lưu vực sông lớn;

4. Các dự án về bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước do Chính phủ quyết định; phòng, chống và khắc phục hậu quả lũ, lụt và các tác hại khác do nước gây ra;

5. Quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng các nguồn nước quốc tế và giải quyết các tranh chấp phát sinh;

6. Giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước giữa các Bộ, ngành với nhau và giữa các Bộ, ngành với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 3. Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước có con dấu riêng. Hội đồng có Văn phòng giúp việc đặt tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Kinh phí hoạt động của Hội đồng và Văn phòng Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước bố trí trong chi thường xuyên hàng năm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Biên chế của Văn phòng Hội đồng nằm trong biên chế của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 4. Thành phần của Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước gồm có:

- Chủ tịch Hội đồng: Phó Thủ tướng Chính phủ;

- Ủy viên thường trực: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Các ủy viên gồm có:

+ Ủy viên thường xuyên là Thứ trưởng các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủy sản, Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Quốc phòng, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công nghiệp, Y tế; Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng thủy văn, Chánh Văn phòng Hội đồng và một số chuyên gia tư vấn là cán bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực tài nguyên nước (có danh sách kèm theo Quyết định này);

+ Ủy viên không thường xuyên là đại diện các cơ quan trung ương và địa phương có liên quan đến từng vấn đề cụ thể tại các kỳ họp của Hội đồng được Chủ tịch Hội đồng quyết định mời tham gia.

Các thành viên Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

Điều 5. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng và ủy viên thường trực Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước; ban hành quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Hàng năm, nếu cần thay đổi các thành viên của Hội đồng, giao Chủ tịch Hội đồng thống nhất với các Bộ, ngành liên quan để quyết định cụ thể.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 7. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN THƯỜNG XUYÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUỐC GIA VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC

(ban hành kèm theo Quyết định số 67/2000/QĐ-TTg ngày 15/6/2000).

1. Ông Nguyễn Công Tạn, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng.

2. Ông Lê Huy Ngọ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy viên thường trực.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

3. Ông Nguyễn Đình Thịnh, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy viên.

4. Ông Nguyễn Ngọc Hồng, Thứ trưởng Bộ Thủy sản, Ủy viên.

5. Ông Phạm Khôi Nguyên, Thứ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Ủy viên.

6. Ông Nguyễn Xuân Thảo, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy viên.

7. Ông Vũ Văn Ninh, Thứ trưởng Bộ Tài chính, Ủy viên.

8. Ông Nguyễn Huy Hiệu, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Ủy viên.

9. Ông Nguyễn Tấn Vạn, Thứ trưởng Bộ Xây dựng, Ủy viên.

10. Ông Phạm Quang Tuyến, Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Ủy viên.

11. Ông Đỗ Hải Dũng, Thứ trưởng Bộ Công nghiệp, Ủy viên.

12. Ông Nguyễn Văn Thưởng, Thứ trưởng Bộ Y tế, Ủy viên.

13. Ông Nguyễn Công Thành, Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng thủy văn, Ủy viên.

14. Ông Ngô Chí Hoạt, Cục trưởng Cục Quản lý nước và công trình thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Chánh Văn phòng Hội đồng, Ủy viên.

15. Ông Nguyễn Ân Niên, Tiến sỹ Khoa học, nguyên Viện trưởng Viện Khoa học thủy lợi miền Nam, Ủy viên.

16. Ông Nguyễn Trường Cửu, Thiếu tướng, Cục trưởng Cục Khoa học, Công nghệ và Môi trường (Bộ Quốc phòng), Ủy viên.

17. Ông Vũ Văn Tuấn, Phó Viện trưởng Viện Khí tượng thủy văn (Tổng cục Khí tượng thủy văn), Ủy viên.

18. Ông Vũ Huy Thủ, Tiến sỹ, Phó Cục trưởng Cục Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản (Bộ Thủy sản), Ủy viên.

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

TỔNG CỤC HẢI QUAN - BỘ NGOẠI GIAO

THÔNG TƯ liên tịch số 03/2000/TTLT-TCHQ-BNG ngày 06/6/2000 hướng dẫn thi hành Điều 4 Quyết định số 210/1999/QĐ-TTg ngày 27/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

Căn cứ Điều 5 Quyết định số 210/1999/QĐ-TTg ngày 27/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài;

Để thống nhất quản lý và đảm bảo đầy đủ các quyền lợi và trách nhiệm của người Việt Nam định cư ở nước ngoài về nước tích cực đóng góp vào sự nghiệp xây dựng đất nước;

Tổng cục Hải quan và Bộ Ngoại giao thống nhất hướng dẫn cụ thể Điều 4 Quyết định số 210/1999/QĐ-TTg ngày 27/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi đối với việc tạm nhập - tái xuất ôtô 4 chỗ ngồi và các trang thiết bị, đồ dùng cá nhân của người Việt Nam định cư ở nước ngoài về nước làm việc như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này áp dụng cho những người Việt Nam định cư ở nước ngoài là trí thức, chuyên gia, công nhân lành nghề (gọi tắt là người Việt Nam ở nước ngoài) về nước làm việc trong thời gian từ 1 năm trở lên theo lời mời của cơ quan Nhà nước Việt Nam, có xác nhận của cơ quan mời.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com